

LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Số : 402/CĐGD
V/v cấp kinh phí hoạt động
công đoàn lần 6 năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 24/12/2024;

Căn cứ số kinh phí Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đã cấp cho các đơn vị trong năm 2024.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo số kinh phí cấp lần 6 năm 2024 cho 51 công đoàn cơ sở trực thuộc *(Theo biểu số liệu đính kèm)*.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc theo dõi, quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CĐGD Hoà Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
LẦN 6 NĂM 2024

STT	Tên đơn vị	Số 2%KPCĐ các đơn vị nộp từ 1/1-24/12/2024		Đã cấp trả nợ năm 2023		Đã cấp KPCĐ lần 1 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 2 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 3 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 4 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 5 năm 2024	Cấp KPCĐ lần 6 năm 2024	Tổng kinh phí cấp
		Nộp KPCĐ năm 2024	Nộp KPCĐ bổ sung năm 2023	Cấp thừa	Cấp thiếu							
1	Tr. THPT 19-5 (Kim Bôi)	154,248,500	-		316,930	13,102,000	14,065,000	20,550,000	13,146,000	13,497,000	18,189,100	92,866,030
2	Tr. THPT Bắc Sơn (Kim Bôi)	61,555,400	-		825,090	5,208,000	5,604,000	7,841,000	5,267,000	5,464,000	7,549,240	37,758,330
3	THPT Cộng Hòa (Lạc Sơn)	89,034,700	-		906,701	6,113,000	9,112,000	11,425,000	8,020,000	7,897,000	10,853,820	54,327,521
4	Tr. THPT Cù Chính Lan (Lương Sơn)	141,279,754	-		10,522,526	5,591,000	17,230,000	20,741,000	13,518,000	5,728,000	21,959,852	95,290,378
5	Tr. THPT Công Nghiệp	170,939,694	-		7,535,921	14,457,000	15,736,000	21,471,000	14,988,000	7,478,000	28,433,816	110,099,737
6	Tr. THPT Cao Phong	115,506,440	-		252,593	9,998,000	9,741,000	15,276,000	10,006,000	10,205,000	14,077,864	69,556,457
7	Tr. THPT Đà Bắc	122,288,000	-		6,716,492	9,992,000	12,061,000	15,610,000	10,957,000	10,386,000	14,366,800	80,089,292
8	Tr. THPT Đại Đồng (Lạc Sơn)	113,217,000	-	6,002,365			19,299,000	14,904,000	10,027,000	10,143,000	13,557,200	61,927,835
9	Tr. THPT Đoàn Kết (Tân Lạc)	76,257,248	-	164		7,217,000	7,599,000	7,698,000	8,112,000	11,397,000	3,731,349	45,754,185
10	Tr. DTNT THPT tỉnh	180,231,100	-	35		15,096,000	15,920,000	24,523,000	15,635,000	15,811,000	21,153,660	108,138,625
11	Tr. DTNBT THCS&THPT Kim Bôi	85,863,300	1,529,000		7,659	7,605,000	8,617,000	11,400,000	7,661,000	7,485,000	9,667,380	52,443,039
12	TR. DTNT THCS&THPT Lạc Sơn	68,166,000	-	218,150		7,037,000	7,366,000	10,775,000	7,572,000	7,253,000	896,600	40,681,450
13	Tr. DTNT THCS&THPT huyện Lạc Thủy	65,429,800	-	481,440		5,607,000	5,656,000	8,770,000	6,031,000	4,805,000	8,388,880	38,776,440
14	Tr. DTNT THCS&THPT Đà Bắc	82,435,000	-		3,352,770	3,484,000	7,393,000	13,899,000	7,467,000	7,308,000	9,910,000	52,813,770
15	Tr. DTNT THCS&THPT huyện Cao Phong	84,597,163	-		3,164,542	6,702,000	8,349,000	11,378,000	7,524,000	7,243,000	9,562,298	53,922,840
16	Tr. DTNT THCS&THPT Tân lạc	80,957,530	-		7,027,310	7,793,000	7,826,000	12,277,000	8,468,000	8,166,000	4,044,518	55,601,828
17	Tr. THCS&THPT Ngọc Sơn (Lạc Sơn)	107,784,600	-		7,221,200	4,616,000	9,312,000	15,486,000	16,987,000	6,090,000	12,179,760	71,891,960
18	Tr. DTNT THCS&THPT B Mai Châu	75,489,300	-		565,450	5,839,000	6,201,000	8,970,000	8,717,000	6,619,000	8,947,580	45,859,030
19	Tr. DTNT THCS&THPT Lương Sơn	68,598,335	-		878,866	5,603,000	5,735,000	9,024,000	5,962,000	6,273,000	8,562,001	42,037,867
20	Tr. THPT Kim Bôi	138,871,100	-		1,220,737	11,862,000	12,837,000	17,939,000	12,332,000	11,772,000	16,580,660	84,543,397
21	Tr. THPT Kỳ Sơn	116,465,600	16,498,600		260	14,657,000	14,767,000	15,271,000	10,391,000	10,320,000	14,372,520	79,778,780
22	Tr. THPT Lạc Long Quân	155,045,544	-		1,302,380	11,326,000	13,726,000	25,651,000	14,195,000	11,886,000	16,243,326	94,329,706
23	Tr. THPT Lương Sơn	207,008,480	-		2,640,706	17,652,000	18,815,000	26,914,000	24,685,000	11,410,000	24,729,088	126,845,794
24	Tr. THPT Lạc Sơn	120,991,000	-		700,554	5,427,000	10,143,000	20,533,000	10,641,000	10,484,000	15,366,600	73,295,154
25	Tr. THPT Nam Lương Sơn	107,379,000	-	28,160		8,880,000	9,662,000	13,880,000	10,054,000	9,120,000	12,831,400	64,399,240
26	Tr. THPT Lạc Thủy	100,206,100	-	393,780		9,293,000	4,646,000	18,017,000	8,893,000	8,893,000	10,381,660	59,729,880
27	Tr. THPT Lạc Thủy B	115,941,050	-		4,890,533	10,020,000	10,129,000	15,192,000	10,066,000	10,066,000	14,091,630	74,455,163

STT	Tên đơn vị	Số 2%KPCĐ các đơn vị nộp từ 1/1-24/12/2024		Đã cấp trả nợ năm 2023		Đã cấp KPCĐ lần 1 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 2 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 3 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 4 năm 2024	Đã cấp KPCĐ lần 5 năm 2024	Cấp KPCĐ lần 6 năm 2024	Tổng kinh phí cấp
		Nộp KPCĐ năm 2024	Nộp KPCĐ bổ sung năm 2023	Cấp thừa	Cấp thiếu							
28	Tr. THPT Lũng Vân (Tân Lạc)	50,458,970	-		2,116,546	4,283,000	4,151,000	6,668,000	4,424,000	4,497,000	6,252,382	32,391,928
29	Tr. THPT Mường Bi (Tân Lạc)	110,797,400	-		105	9,986,000	9,583,000	14,349,000	9,711,000	4,716,000	18,133,440	66,478,545
30	Tr. THPT Mai Châu	121,611,400	-	68,405			21,602,000	15,951,000	11,100,000	9,978,000	14,335,840	72,898,435
31	Tr. THPT Mai Châu B	54,810,600	-		3,225,308	5,188,000	5,326,000	8,025,000	2,657,000	4,888,000	6,802,360	36,111,668
32	Tr. THPT Mường Chiềng (Đà Bắc)	69,399,700	-		930,250	6,037,000	6,217,000	9,169,000	6,157,000	6,010,000	8,049,820	42,570,070
33	Tr. DTNT THCS B Đà Bắc (DTNT Mường	57,773,000	-		3,457,015	4,847,000	4,827,000	7,706,000	5,353,000	2,523,000	9,407,800	38,120,815
34	Tr. DTNT THCS&THPT Mai Châu	80,997,200	-		3,404,920	6,624,000	7,762,000	10,501,000	7,144,000	7,037,000	9,530,320	52,003,240
35	Tr. THPT Ngõ Quyền	85,702,730	-	1,000,187		7,671,000	7,224,000	10,719,000	7,408,000	7,223,000	11,176,638	50,421,451
36	Tr. THPT Phú Cường	66,060,848	-		1,718,393	5,773,000	6,451,000	9,113,000	6,627,000	3,072,000	8,600,509	41,354,902
37	Tr. THPT Quyết Thắng (Lạc Sơn)	79,533,000	-		656,250	4,039,000	8,400,000	12,377,000	8,406,000	8,249,000	6,248,800	48,376,050
38	Tr. THPT Sào Báy (Kim Bôi)	103,607,600	-		896,562	8,652,000	9,289,000	13,766,000	9,143,000	8,929,000	12,385,560	63,061,122
39	Sở GD&ĐT tỉnh Hòa Bình	115,516,500	-		1,351,611	10,201,000	10,220,000	14,953,000	10,040,000	10,055,000	13,840,900	70,661,511
40	Tr. Cao đẳng SPHB	221,842,400	-		35,210,555	18,323,000	19,347,000	29,132,000	20,723,000	11,065,000	34,515,440	168,315,995
41	Tr. THPT Lạc Thủy C	69,819,794	-	193,609		5,743,000	5,723,000	9,176,000	6,366,000	6,202,000	8,681,876	41,698,267
42	Tr. THPT Thanh Hà (Lạc thủy)	78,560,980	7,750,000		4,497,896	6,413,000	11,370,000	10,569,000	7,086,000	2,807,000	13,541,588	56,284,484
43	Tr. THPT Tân Lạc	109,379,799	-		5,592,868	10,356,000	10,001,000	15,626,000	11,036,000	10,643,000	7,965,879	71,220,747
44	Trung tâm GDTX tỉnh	124,927,100	-		10,377,643	11,133,000	11,946,000	16,607,000	10,641,000	10,479,000	14,150,260	85,333,903
45	Tr. THPT Thạch Yên (Cao Phong)	70,522,481	-		280,961	6,192,000	6,146,000	9,062,000	6,445,000	6,033,000	8,435,489	42,594,450
46	Tr. THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	318,437,090	-		243,840	26,728,000	28,424,000	42,834,000	40,012,000	27,354,000	25,710,254	191,306,094
47	Tr. THPT Yên Hòa (Đà Bắc)	38,653,900	-		1,649,220	3,398,000	3,407,000	5,681,000	3,776,000	3,778,000	3,152,340	24,841,560
48	Tr. THPT Yên Thủy A	135,084,069	7,834,942		655,798	12,349,000	16,525,000	17,406,000	11,998,000	11,446,000	16,027,407	86,407,205
49	Tr. THPT Yên Thủy B	116,035,085	-		8,770,554	9,915,000	9,914,000	14,815,000	10,122,000	10,350,000	14,505,051	78,391,605
50	Tr. THPT Yên Thủy C	62,693,743	-		5,993,356	6,915,000	7,014,000	6,722,000	6,750,000	6,808,000	3,407,246	43,609,602
51	Tr. DTNT THCS&THPT Yên Thủy	77,473,229	-		2,128,454	6,674,000	6,673,000	10,347,000	6,778,000	6,717,000	9,294,937	48,612,391
	Cộng	5,425,485,356	33,612,542	8,386,295	153,207,325	427,617,000	525,089,000	736,689,000	517,225,000	434,058,000	634,780,738	3,420,279,768

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Hồng Nhung

Hoà Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2024

TM. BAN THƯỜNG VỤ

BCH CHỦ TỊCH

CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC

Bùi Đức Ngọc